TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **103**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Đoàn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Ái N, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Lữ Triều V, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/7/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Ái N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lữ Triều V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, đến ngày 03/10/2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến gần đây thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không có sự quan tâm chia sẻ, nhường nhịn lẫn nhau, anh V không quan tâm lo lắng trong gia đình và cho con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và gay gắt nên thường xảy ra giận dỗi, cự cãi. Gia đình hai bên đã có hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Lữ Thành N sinh ngày 12/7/2000 hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 07/10/2019 và tại phiên tòa, bị đơn anh Lữ Triều V trình bày:

Về hôn nhân: vợ chồng anh chung sống từ năm 1998, đến năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con tên Lữ Thành N 12/7/2000 hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: có 01 căn nhà trị giá khoảng 350.000.000 đồg và 01 shop đồ may sẵn trị giá khoảng 40.000.000 đồng.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện U 40.000.000 đồng.

Tại bản tự khai anh Lữ Triều V yêu cầu chia tài sản chung thành 03 phần cho vợ chồng anh và con trai của anh và yêu cầu chia nợ chung theo quy định pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh V xác định không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung và nợ chung trong cùng vụ án này mà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau khi bản án về việc ly hôn có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung: Chị Trần Ái N và anh Lữ Triều V tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau vào ngày 03/10/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Ái N, thấy rằng: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, chị N yêu cầu được ly hôn với anh V vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn gay gắt, không thể chung sống với nhau được nữa. Đối với anh V, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị N. Đến ngày 07/10/2019, anh V nộp bản tự khai thể hiện các ý kiến. Tại phiên tòa, anh V vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn do còn tình cảm với vợ và cũng thương con. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị N vẫn cương quyết xin ly hôn do đã cho anh V nhiều cơ hội nhưng anh V không sửa đổi, anh V cũng không có động thái gì để hàn gắn tình cảm gia đình. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh V đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn với anh V.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Lữ Thành N sinh ngày 12/7/2000

hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh V, tại bản tự khai anh yêu cầu giải quyết về nợ chung và tài sản chung. Tuy nhiên tại phiên tòa anh V thống nhất không yêu cầu giải quyế trong vụ án này nên Hội đồng xét không xem xét, anh V có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác để yêu cầu giải quyết chia nợ chung và tài sản chung sau khi ly hôn.

[2] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Ái N ly hôn với anh Lữ Triều V.

- Về án phí: Chị Trần Ái N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị Trần Ái N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004475 ngày 10/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã K, huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý